

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
BAN QUẢN LÝ  
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24 /GPMT-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về  
thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy  
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng  
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ  
môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân  
dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố  
Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Un – Available tại văn bản số 12/CV ngày 24 tháng 12  
năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy Sản xuất các  
sản phẩm hàng may mặc, công suất 2.000.000 sản phẩm/năm” tại Một phần lô I/3,  
Đường số 07, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố  
Hồ Chí Minh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường tại Tờ trình ngày 30 tháng  
12 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Un – Available, địa chỉ trụ sở chính tại một phần  
lô I/3, đường số 07, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình  
Tân, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với  
cơ sở “Nhà máy Sản xuất các sản phẩm hàng may mặc, công suất 2.000.000 sản  
phẩm/năm” địa chỉ tại một phần lô I/3, đường số 07, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường  
Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy Sản xuất các sản phẩm hàng may mặc, công suất 2.000.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần lô I/3, đường số 07, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0303271471, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 27 tháng 4 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 8776964823, chứng nhận lần đầu ngày 01 tháng 4 năm 2019, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2020 do Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0303271471.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm may mặc (có công đoạn in trên các sản phẩm may mặc).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Diện tích nhà xưởng sử dụng: 6.289,2 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Tổng vốn đầu tư 16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng.

- Công suất: Sản xuất các sản phẩm hàng may mặc, công suất 2.000.000 sản phẩm/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Un – Available:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Un – Available có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3:** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

**Điều 4:** Giao Phòng Quản lý Môi trường - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Un - Available;
- UBND TP.HCM;
- Sở TN&MT TP.HCM;
- UBND quận Bình Tân;
- Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc;
- Lãnh đạo Ban;
- Công Thông tin điện tử BQL các KCX&CN;
- Lưu: VT, P.QLMT, TKQ(12). *kr*

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Phạm Thanh Trục**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24 /GPMT-BQL ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, không xả ra môi trường).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh (khu văn phòng, xưởng may, xưởng in, xưởng 2 và bảo vệ) được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 4 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 27,12 m<sup>3</sup>) cùng với nước thải từ hoạt động rửa dụng cụ đựng thức ăn trong nhà ăn sau khi qua bể tách dầu mỡ được thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc theo quy định.

- Nước thải từ quá trình rửa khuôn in và nước thải từ quá trình giặt được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Công ty với công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc tại một hố ga trên đường P5.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:****1.2.1. Bể tự hoại**

- Số lượng: 04 bể.

- Tổng thể tích: 27,12 m<sup>3</sup> (6,78 m<sup>3</sup>/bể)

- Hóa chất sử dụng: Không.

**1.2.2. Bể tách dầu mỡ:**

- Số lượng: 01 bể.

- Tổng thể tích: 14 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất sử dụng: Không.

**1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nước thải từ quá trình rửa khuôn in và nước thải từ quá trình giặt) → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể tạo bông → Bể lắng bùn hóa lý → Bể vi sinh hiếu khí → Bể lắng vi sinh hiếu khí → Hồ ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc.

- Công suất thiết kế: 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị được hoạt động liên tục.

- Vận hành hệ thống xử lý theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

- Bố trí nhân viên quản lý vận hành trạm xử lý nước thải. Yêu cầu người quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải phải có trình độ chuyên môn cần thiết và nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải.

- Lập nhật ký vận hành với đầy đủ thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, lượng hóa chất sử dụng và lượng bùn thải của hệ thống xử lý nước thải.

- Nếu có bất kỳ nguyên nhân nào làm một hạng mục/thiết bị hoặc toàn bộ hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động, khi đó Công ty sẽ giảm thiểu tối đa lượng nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất không cần thiết, có giải pháp thu gom và liên hệ KCN Vĩnh Lộc để được hỗ trợ xử lý, không để nước thải chảy ra môi trường.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Dự kiến sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Sau 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

### 2.2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào: Tại hồ thu gom nước thải phát sinh từ quá trình rửa khuôn in và nước thải từ quá trình giặt, công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Đầu ra: Tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải, công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm chính: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Amoni (tính theo Nitơ), Tổng N, tổng P, độ màu, Clo dư.

- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: bảo đảm quan trắc ít nhất 3 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Tách rời hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24 /GPMT-BQL ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải, hơi dung môi từ khu vực pha mực in
- Nguồn số 01: Khí thải, hơi dung môi từ khu vực tạo khuôn bản in.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

2.1. Vị trí xả khí thải: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ khu vực pha mực in và khu vực tạo khuôn bản in. Tọa độ vị trí xả khí thải: X (m)= 1.197283; Y (m)= 592231 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.500 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, xả liên tục trong thời gian hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K<sub>p</sub> = 1, K<sub>v</sub> = 1) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hợp chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn của các chất ô nhiễm theo QCVN 19: 2009/BTNMT (Cột B, K <sub>p</sub> = 1, K <sub>v</sub> = 1) và QCVN 20: 2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	800		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		
6	Aceton	mg/Nm <sup>3</sup>	-		
7	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750		
8	Cyclohexane	mg/Nm <sup>3</sup>	1.300		
9	MEK	mg/Nm <sup>3</sup>	-		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải, hơi dung môi phát sinh từ khu vực in và khu vực tạo khuôn bản in sẽ được thu gom bằng chụp hút có trang bị tấm than hoạt tính thông qua ống dẫn bằng thép mạ kẽm (DxR= 300mm x 200mm), khí thải sau xử lý thoát vào môi trường qua 01 ống thoát khí thải có đường kính Ø300mm, cao 5,5m so với mặt đất.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

1.2.1 Công trình, thiết bị xử lý khí thải của quá trình xử lý khí thải, hơi dung môi từ khu vực in và khu vực tạo khuôn bản in:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ khu vực in và khu vực tạo khuôn bản in → chụp hút (trang bị tấm than hoạt tính) → Quạt hút (thu khí từ ống khí) → Ống thoát khí thải.

- Công suất thiết kế: Lưu lượng 5.500 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút, ống dẫn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải, có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với các hệ thống xử lý khí thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:**

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Dự kiến tháng 02 năm 2025.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 03 tháng – 06 tháng sau khi vận hành thử nghiệm.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:**

Hệ thống xử lý khí thải, công suất 5.500 m<sup>3</sup>/giờ.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công suất 5.500 m<sup>3</sup>/giờ. Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 1.197.283; Y = 592.231 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°).

### 2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm chính: Lưu lượng, bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, Toluen, Aceton, Cyclohexane, MEK.

- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, K<sub>p</sub> = 1, K<sub>v</sub> = 1) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hợp chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:


Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải: bảo đảm quan trắc ít nhất 3 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường, đồng thời phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục. 

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24 /GPMT-BQL ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của khu vực xưởng sản xuất 1.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của khu vực xưởng sản xuất 2.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.197.277, Y = 592.118
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.197.227, Y = 592.146

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi giờ 3<sup>0</sup>).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**


Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung tại chân máy móc, thiết bị và thường xuyên kiểm tra độ cân bằng, hiệu chỉnh khi cần thiết.

- Bố trí các máy móc, thiết bị trong các dây chuyền sản xuất một các hợp lý đồng thời thường xuyên kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này 



## Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24/GPMT-BQL ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	572
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	23.687
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	4
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	1.630
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	15
6	Hộp mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	472
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	25.621
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	39
<b>Tổng</b>			<b>52.040</b>

## 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vải vụn	168.240
2	Vải test	2.272
3	Vải tái chế	39.856
4	Giấy	19.684
5	Túi nylon	2.756
6	Chi tồn	972
<b>Tổng</b>		<b>233.780</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 23,04 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng nhựa, túi nylon chứa riêng đối với từng loại chất thải, có dán mã chất thải và ký hiệu cảnh báo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng;

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 12 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa:

+ Kho chứa có mái che, nền bê tông, mái lợp tôn, cửa sắt, có gờ chống tràn để tránh tình trạng rò rỉ chất thải nguy hại, bên ngoài có lắp đặt biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở được chủ cơ sở thu gom, phân loại và cho vào các thùng chứa bằng nhựa, bao nylon chứa riêng từng loại chất thải.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 13,42 m<sup>2</sup>.

Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho chứa được thiết kế nền bê tông, tường tôn, mái lợp tôn, cửa sắt, có gắn biển báo và tên các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Diện tích: 4,4 m<sup>2</sup>.

Thiết bị lưu chứa: Kho chứa được thiết kế nền bê tông, tường tôn, mái lợp tôn, cửa đi sắt, có bố trí 03 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 220 lít, dán nhãn theo đúng quy định để chứa 03 loại chất thải: chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải thực phẩm, chất hữu cơ dễ phân hủy; chất thải sinh hoạt khác.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.



### Phụ lục 5

## CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24 /GPMT- BQL ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

### C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

5. Bố trí diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /.